

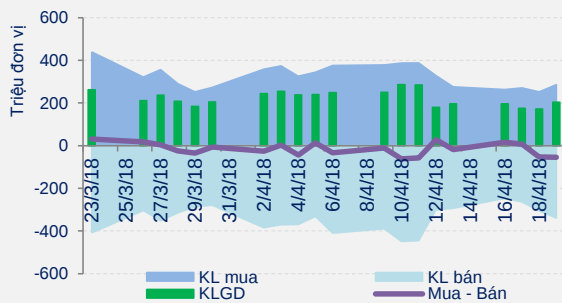
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/4/2018

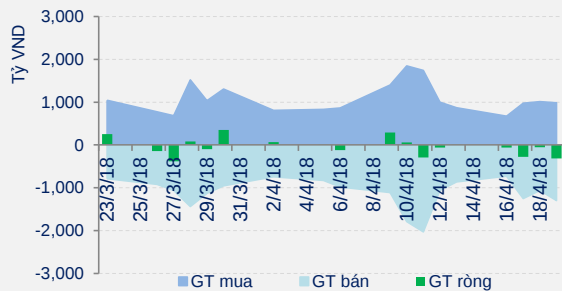
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,094.63	131.05
% Thay đổi	↓ -3.86%	↓ -1.30%
KLGD (CP)	203,715,723	54,695,160
GTGD (tỷ đồng)	7,262.78	928.90
Tổng cung (CP)	339,622,130	89,075,700
Tổng cầu (CP)	285,889,050	76,520,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	20,220,693	2,610,163
KL mua (CP)	21,691,483	2,856,400
GTmua (tỷ đồng)	985.19	39.70
GT bán (tỷ đồng)	1,300.59	41.33
GT ròng (tỷ đồng)	(315.40)	(1.62)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.83%	11.4	2.6	2.8%
Công nghiệp	↓ -1.97%	17.3	4.4	10.7%
Dầu khí	↓ -5.95%	18.6	2.9	3.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -5.27%	21.3	6.4	1.0%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.59%	16.0	3.3	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -2.97%	23.8	8.0	11.3%
Ngân hàng	↓ -5.08%	19.8	3.0	36.8%
Nguyên vật liệu	↓ -2.50%	11.2	2.3	8.0%
Tài chính	↓ -4.38%	30.2	6.4	21.5%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.02%	17.8	4.7	3.2%
VN - Index	↓ -3.86%	21.3	5.6	116.6%
HNX - Index	↓ -1.30%	14.0	2.1	-16.6%

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam lao dốc mạnh trong phiên hôm nay với diễn biến có phần hoảng loạn từ nhà đầu tư với lực bán mạnh tại gần như toàn bộ các cổ phiếu trụ cột của thị trường. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 43,9 điểm (-3,86%) xuống 1.094,63 điểm; HNX-Index giảm 1,72 điểm (-1,3%) xuống 132,78 điểm. Thanh khoản trên hai sàn tăng nhẹ và ở mức trung bình với giá trị giao dịch đạt 8.222 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 259 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.008 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 160 mã tăng, 104 mã tham chiếu, 354 mã giảm. Thị trường giảm điểm ngay từ những phút đầu trước áp lực bán tăng dần khiến các chỉ số chìm trong sắc đỏ. Mặc dù trong phiên cũng có những đợt bất đáy nhưng là không đủ sức trước lực bán có chiều hướng tăng mạnh về cuối phiên. Các mã trụ cột của thị trường đều giảm mạnh như VCB (-5,9%), SAB (-6,9%), BID (-5,5%), CTG (-5,8%), VJC (-6,1%), HPG (-3,4%), VPB (-4,7%), VRE (-2,5%), ACB (-2,5%), SHB (-1,6%) và thậm chí còn giảm sàn như VIC (-6,9%), MSN (-7%). Chiều ngược lại, gần như không có một mã trụ cột nào có thể chống lại xu hướng của thị trường chung ngoại trừ VCS (+2,4%). TPB (+1,4%) chào sàn trong phiên mở cửa của thị trường nhưng vẫn tăng nhẹ lên 32.450 đồng. Các nhóm ngành chủ chốt như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản - xây dựng, dầu khí đều giảm mạnh theo xu hướng chung.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường giảm mạnh trong phiên hôm nay và hiện tại đã gần về ngưỡng 1.090 điểm (đáy phiên 6/3). Tâm lý nhà đầu tư đã có phần hoảng loạn với diễn biến này với việc thanh khoản tăng khi nhà đầu tư có gắng bán cổ phiếu bất chấp giá cả trong phiên. Trên góc nhìn kỹ thuật, tín hiệu ngắn hạn của VN-Index tiếp tục là tiêu cực với vùng kháng cự trong khoảng 1.140-1.160 điểm (MA5-10) và ngưỡng hỗ trợ tại 1.090 điểm (đáy phiên 6/3); đáng chú ý, tín hiệu trung hạn cũng chuyển từ tích cực xuống trung tính với ngưỡng hỗ trợ tiếp theo tại 1.065 điểm (MA100). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần, quán tính giảm của VN-Index có thể tiếp tục với các ngưỡng hỗ trợ gần nhất lần lượt tại 1.090 điểm (đáy phiên 6/3) và 1.065 điểm (MA100). Nhà đầu tư ngắn hạn nếu đang còn nắm giữ cổ phiếu hạn chế bán ra trong những nhịp giảm mà nên đợi những phiên hồi phục dự kiến sẽ diễn ra vào tuần sau để có giá tốt hơn. Nhà đầu tư trung và dài hạn vẫn có thể tiếp tục nắm giữ những cổ phiếu đang có vị thế tốt và có triển vọng tăng trưởng tích cực trong thời gian tới.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

19/4/2018

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm ngay từ đầu phiên giao dịch với đà giảm mạnh dần về cuối phiên. Cũng có những thời điểm mà lực cầu bắt đáy xuất hiện nhưng là không đủ sức để vực dậy chỉ số trong bối cảnh áp lực bán càng về cuối phiên càng mạnh đã khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 43,9 điểm (-3,86%) xuống 1.094,63 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 9.000 đồng, VCB giảm 3.800 đồng, SAB giảm 15.800 đồng. Ở chiều ngược lại, LGC tăng 1.450 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm ngay từ đầu phiên giao dịch với việc chỉ số chìm trong sắc đỏ trong toàn bộ phiên. Mặc dù lực cầu bắt đáy có những lúc xuất hiện khá tốt nhưng trước bên bán quá mạnh thì chỉ số vẫn phải kết phiên trong sắc đỏ, mức thấp nhất trong phiên tại 130,24 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 1,72 điểm (-1,3%) xuống 131,05 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: ACB giảm 1.200 đồng, SHB giảm 200 đồng, PVS giảm 400 đồng. Ở chiều ngược lại, VCS tăng 2.700 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

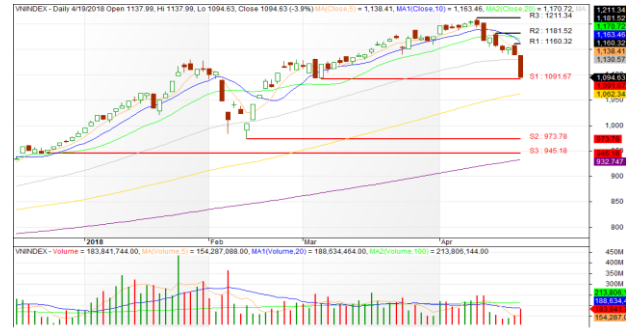
Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị 315,4 tỷ đồng. VIC là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 282,6 tỷ đồng tương ứng với 2,3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VJC với 99,3 tỷ đồng tương ứng với 486 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HDB là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 38,5 tỷ đồng tương ứng với 762 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị 1,58 tỷ đồng. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 21,1 tỷ đồng tương ứng với 954,5 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VGC với 3,5 tỷ đồng tương ứng với 154 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHB là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 26,5 tỷ đồng tương ứng với 2,1 triệu cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm phiên thứ hai liên tiếp với mức giảm rất mạnh, khối lượng khớp lệnh ở mức trung bình với 184 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số tiếp tục là tiêu cực với vùng kháng cự trong khoảng 1.140-1.160 điểm (MA5-10) và ngưỡng hỗ trợ tại 1.090 điểm (đáy phiên 6/3). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số chuyển từ tích cực về trung tính với ngưỡng kháng cự và hỗ trợ lần lượt tại 1.130 điểm (MA50) và 1.065 điểm (MA100). Về xu hướng dài hạn, VN-Index tiếp tục vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 935 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần, quán tính giảm của VN-Index có thể tiếp tục với các ngưỡng hỗ trợ gần nhất lần lượt tại 1.090 điểm (đáy phiên 6/3) và 1.065 điểm (MA100).

HNX-Index:



HNX-Index giảm điểm khá mạnh trong phiên thứ hai liên tiếp, khối lượng khớp lệnh ở mức trung bình với 54 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn của chỉ số tiếp tục là tiêu cực với vùng kháng cự trong khoảng 133-134,5 điểm (MA5-10) và ngưỡng hỗ trợ tại 130 điểm (đáy phiên 23/3). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn của chỉ số duy trì tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 129,5 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index tiếp tục vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 114 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần, quán tính giảm của HNX-Index có thể tiếp tục với vùng hỗ trợ trong khoảng 129,5-130 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng

Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 36,98 - 37,07 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) tăng 120.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 70.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.

Tỷ giá trung tâm tăng 4 đồng

Tại thị trường trong nước, sáng nay 19/4, tỷ giá trung tâm giữa VND và USD được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.492 VND, tăng 4 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 2,1 USD/ounce tương ứng 0,16% lên 1.355,6 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm

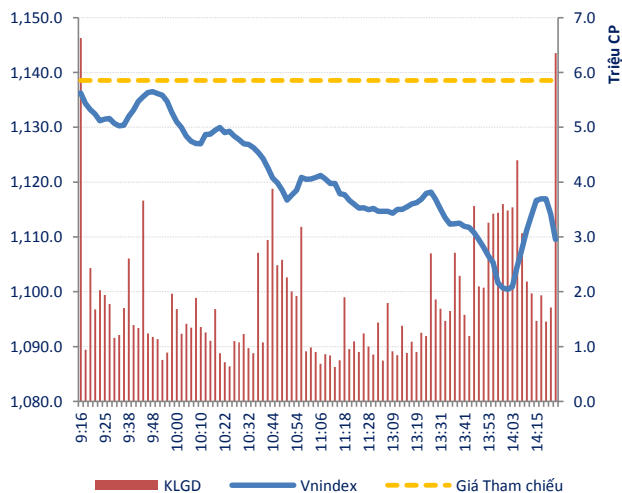
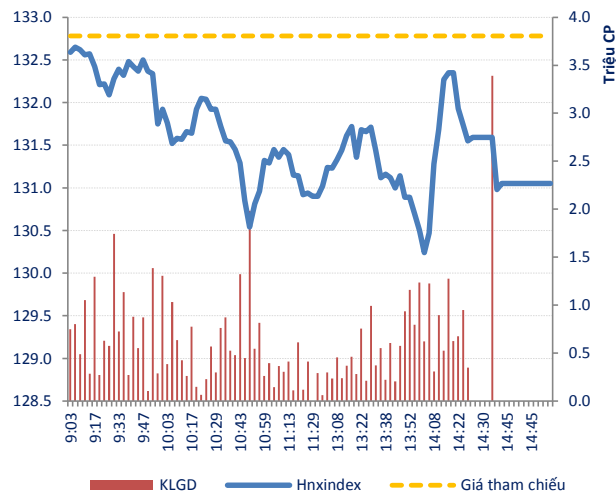
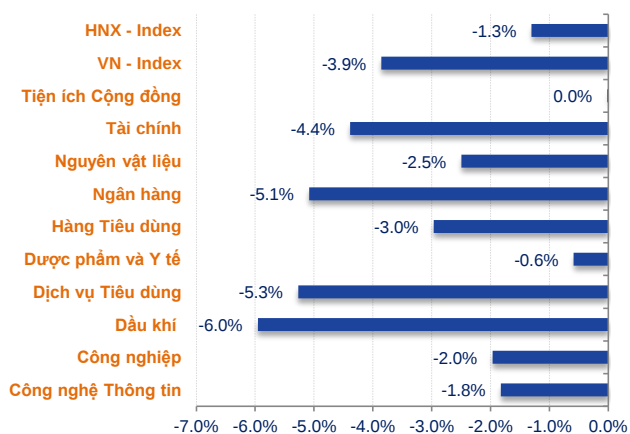
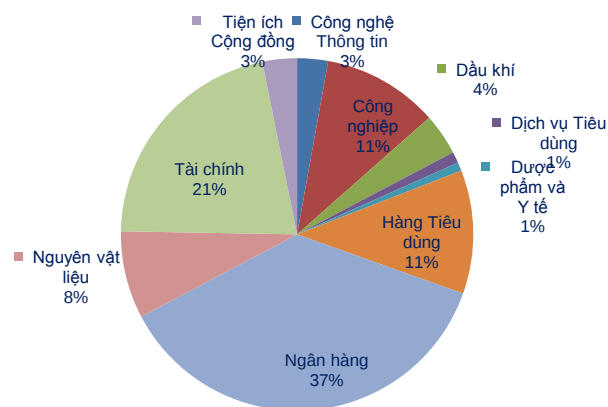
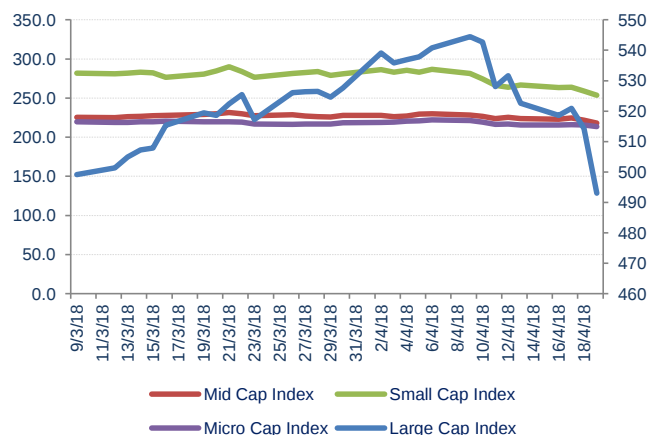
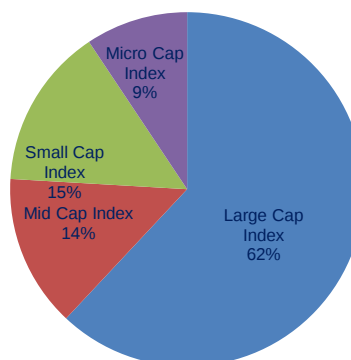
Tại thời điểm 15 giờ, chỉ số US Dollar Index (DXY) giảm 0,04 điểm tương ứng với 0,04% xuống 89,31 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,2385 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,4194 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 107,31 JPY.

Giá dầu thế giới tăng

Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,62 USD/thùng tương ứng với 0,91% lên 69,09 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều

Kết thúc phiên giao dịch ngày 18/4, chỉ số Dow Jones giảm 38,56 điểm tương ứng 0,16% xuống 24.748,07 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 14,14 điểm tương ứng 0,19% lên 7.295,24 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 2,25 điểm tương ứng 0,08% lên 2.708,64 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUESSV50	2,617,100	VIC	2,296,550
2	E1VFN30	2,161,800	VCB	1,078,790
3	DXG	873,430	HAG	990,630
4	HDB	762,390	MSN	914,490
5	SSI	518,780	VJC	485,730

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	2,092,900	PVS	954,500
2	SHS	94,700	KLF	573,700
3	ALV	89,000	NDN	162,300
4	TTZ	56,300	VGC	154,000
5	PDB	19,000	VIX	139,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
CTG	33.55	31.60	↓ -5.81%	9,517,160
STB	15.50	15.00	↓ -3.23%	9,404,240
MBB	33.65	31.90	↓ -5.20%	8,926,870
HDB	51.80	49.20	↓ -5.02%	7,752,260
SSI	41.50	40.60	↓ -2.17%	5,662,440

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.80	12.60	↓ -1.56%	17,815,745
PVS	21.80	21.40	↓ -1.83%	5,800,615
ACB	48.90	47.70	↓ -2.45%	4,954,572
CEO	15.50	16.00	↑ 3.23%	2,380,560
SHS	21.90	20.90	↓ -4.57%	1,872,164

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HRC	28.00	29.95	1.95	↑ 6.96%
MCG	2.89	3.09	0.20	↑ 6.92%
KHA	29.00	31.00	2.00	↑ 6.90%
TTF	5.68	6.07	0.39	↑ 6.87%
HU1	9.50	10.15	0.65	↑ 6.84%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDE	0.90	1.00	0.10	↑ 11.11%
HKB	2.00	2.20	0.20	↑ 10.00%
BTW	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
CAG	42.40	46.60	4.20	↑ 9.91%
ALT	12.50	13.70	1.20	↑ 9.60%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MSN	100.00	93.00	-7.00	↓ -7.00%
TIE	10.75	10.00	-0.75	↓ -6.98%
SCR	12.20	11.35	-0.85	↓ -6.97%
PLX	71.80	66.80	-5.00	↓ -6.96%
KDC	39.55	36.80	-2.75	↓ -6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXA	0.80	0.70	-0.10	↓ -12.50%
SDU	11.00	9.90	-1.10	↓ -10.00%
NST	14.00	12.60	-1.40	↓ -10.00%
L44	2.00	1.80	-0.20	↓ -10.00%
X20	16.40	14.80	-1.60	↓ -9.76%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	9,517,160	12.0%	1,996	15.8	1.8
STB	9,404,240	3250.0%	655	22.9	1.2
MBB	8,926,870	12.5%	1,953	16.3	2.0
HDB	7,752,260	14.5%	1,966	25.0	3.3
SSI	5,662,440	14.7%	2,373	17.1	2.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	17,815,745	11.0%	1,179	10.7	1.0
PVS	5,800,615	6.7%	1,792	11.9	0.9
ACB	4,954,572	14.1%	1,953	24.4	3.1
CEO	2,380,560	9.3%	1,379	11.6	1.3
SHS	1,872,164	28.7%	3,696	5.7	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HRC	↑ 7.0%	1.6%	283	105.8	1.7
MCG	↑ 6.9%	0.3%	40	77.8	0.3
KHA	↑ 6.9%	7.3%	2,324	13.3	1.0
TTF	↑ 6.9%	2.2%	73	82.9	1.6
HU1	↑ 6.8%	3.3%	584	17.4	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDE	↑ 11.1%	-2.4%	(134)	-	0.2
HKB	↑ 10.0%	-12.0%	(1,304)	-	0.2
BTW	↑ 10.0%	9.3%	1,435	11.5	1.1
CAG	↑ 9.9%	2.1%	227	205.2	4.4
ALT	↑ 9.6%	3.7%	1,338	10.2	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UESSV5	2,617,100	N/A	N/A	N/A	N/A
1VFVN3	2,161,800	N/A	N/A	N/A	N/A
DXG	873,430	18.3%	2,499	14.2	2.8
HDB	762,390	14.5%	1,966	25.0	3.3
SSI	518,780	14.7%	2,373	17.1	2.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	2,092,900	11.0%	1,179	10.7	1.0
SHS	94,700	28.7%	3,696	5.7	1.4
ALV	89,000	4.9%	590	10.7	0.5
TTZ	56,300	0.2%	17	338.4	0.5
PDB	19,000	12.3%	1,725	5.8	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	318,899	8.8%	1,692	71.5	10.1
VNM	272,112	44.5%	7,096	26.4	11.6
GAS	247,474	23.0%	5,061	25.5	6.0
VCB	219,464	18.1%	2,527	24.1	4.2
SAB	136,080	35.1%	7,347	28.9	10.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	51,730	14.1%	1,953	24.4	3.1
VCS	18,432	58.4%	7,011	16.4	3.8
SHB	15,159	11.0%	1,179	10.7	1.0
VGC	10,178	10.8%	1,583	14.3	1.6
PVS	9,559	6.7%	1,792	11.9	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
NVT	1.98	-76.4%	(5,298)	-	1.8
PLX	1.86	14.9%	3,013	22.2	3.8
CTG	1.83	12.0%	1,996	15.8	1.8
VCB	1.68	18.1%	2,527	24.1	4.2
HVG	1.57	-25.9%	(3,140)	-	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ARM	3.98	21.5%	3,149	9.8	2.1
L44	2.43	0.0%	(28,471)	-	-
PVS	2.38	6.7%	1,792	11.9	0.9
PVG	1.98	3.4%	476	20.4	0.7
VCG	1.91	17.5%	3,037	6.8	1.4



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 41 Ngô Quyền, P.Hàng Bài,
Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS, Số 236-
238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP
Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
